

Số: 38/2023/QĐST-HNGĐ

Hà Tĩnh, ngày 08 tháng 3 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN GIA ĐÌNH**  
(V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn)

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

**Thành phần giải quyết việc Hôn nhân gia đình:**

*Chủ tọa phiên họp:* Ông Nguyễn Hà Ngân - Thẩm phán.

*Thư ký phiên họp:* Bà Lê Nữ Ngọc Diệp – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên họp:* Bà Dương Thị Thanh Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên họp công khai giải quyết việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 26/2023/TLST-HNGĐ ngày 10/02/2023 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*", theo Quyết định mở phiên họp giải quyết số 35/2023/QĐ-ST ngày 23/02/2023, giữa các đương sự:

- Người yêu cầu: **Anh Đặng Đôn B**, sinh ngày: 21/8/1988, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang làm việc tại Nhật Bản, đề nghị giải quyết vắng mặt;

- Người yêu cầu: **Chị Nguyễn Thị N**, sinh ngày: 21/6/1988, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện lao động tại Đài Loan, đề nghị giải quyết vắng mặt;

**NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:**

*Theo nội dung Đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn của anh Đặng Đôn B và ý kiến của chị Nguyễn Thị N cùng các tài liệu có tại hồ sơ, việc Hôn nhân gia đình có nội dung:*

Anh Đặng Đôn B và chị Nguyễn Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh, ngày 21/11/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống hoà thuận, hạnh phúc và có 01 con chung. Mâu thuẫn phát sinh khi anh B đi lao động tại Hàn Quốc, chị Như không tin tưởng và bất đồng quan điểm. Sau đó chị Như cùng con về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ và đi lao động tại Đài Loan. Anh B và chị Như ly thân trong thời gian dài, đến nay mâu thuẫn đã trầm trọng. Nhận thấy, vợ chồng không còn tình cảm yêu thương, tình trạng hôn nhân không

thể dung hòa, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh Đặng Đôn B khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh giải quyết ly hôn.

Về con chung: Anh Đặng Đôn B và chị Nguyễn Thị N có 01 con chung là Đặng Đôn An P, sinh ngày 06/4/2016. Vợ chồng thống nhất giao con chung cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh B tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/tháng vào ngày 05 hàng tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị N thông qua thân nhân trình bày ý kiến liên quan đến nội dung anh Đặng Đôn B khởi kiện như sau: Về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn đúng như nội dung anh Đặng Đôn B trình bày trong đơn khởi kiện. Chị Như và anh B ly thân trong thời gian dài, đến nay không còn tình cảm yêu thương nên chị Như đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Về con chung: Chị Như và anh B đã thống nhất thỏa thuận giao con chung Đặng Đôn An P, sinh ngày 06/4/2016 cho chị Như trực tiếp nuôi dưỡng. Trong thời gian chị Như chưa về Việt Nam, con chung sẽ nhờ bố mẹ chị Như chăm sóc. Chị đồng ý anh B tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/tháng vào ngày 05 hàng tháng. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do công việc, điều kiện đi lại khó khăn, chị Nguyễn Thị N không về Việt Nam giải quyết ly hôn, không cung cấp được địa chỉ cụ thể tại Đài Loan, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, ủy quyền giao nhận tài liệu cho bố mẹ đẻ là ông Nguyễn Hùng M, bà Trần Thị Ý, địa chỉ: Thôn Phú Mậu, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh.

Tại văn bản số 01/UBND ngày 20/02/2023, Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L khẳng định: Chị Nguyễn Thị N và anh Đặng Đôn B thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh, theo đăng ký số 72, ngày 21/11/2014. Quy trình đăng ký kết hôn được thực hiện đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền và trình tự, thủ tục. Vợ chồng có 01 con chung là Đặng Đôn An P, sinh ngày 06/4/2016. Năm 2017, anh B xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Chị Như cùng con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, sau đó có thông báo cho gia đình về việc yêu cầu ly hôn do không tin tưởng anh B tuy nhiên chị Như chưa có đơn yêu cầu hòa giải hôn nhân gia đình cũng như không có mâu thuẫn trực tiếp tại chính quyền địa phương. Anh B, chị Như hiện đăng ký hộ khẩu tại tổ dân phố P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh và đều đang lao động ở nước ngoài.

Tại phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận, thống nhất được với nhau và đề nghị Hội đồng giải quyết việc Hôn nhân gia đình: Căn cứ Điều 149, 370 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 51, 55, 81, 82, 83, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Công văn số

253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu của các đương sự; công nhận thuận tình ly hôn của anh Đặng Đôn B và chị Nguyễn Thị N, về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao con chung Đặng Đôn An P, sinh ngày 06/4/2016 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện của anh Đặng Đôn B về việc cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/ tháng vào ngày 05 hàng tháng; các vấn đề khác đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc Hôn nhân gia đình đã được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của anh Đặng Đôn B và chị Nguyễn Thị N, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh; Thẩm phán giải quyết việc Hôn nhân gia đình nhận định:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

[1.1] Đơn khởi kiện ly hôn cùng các tài liệu, chứng cứ của anh Đặng Đôn B đã được Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc chứng thực. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 478 Bộ luật Tố tụng dân sự thì các tài liệu này được Tòa án Việt Nam công nhận. Căn cứ khoản 25 Điều 3, Điều 122, 127 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 29, 37, 39, 464, của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nội dung yêu cầu của anh Đặng Đôn B thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

[1.2] Anh Đặng Đôn B và chị Nguyễn Thị N đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[1.3] Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, quá trình làm việc, chị Nguyễn Thị N trình bày thống nhất với toàn bộ yêu cầu của anh Đặng Đôn B, không tranh chấp. Do công việc, chị Như không về Việt Nam để giải quyết việc hôn nhân gia đình nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, đồng thời ủy quyền giao, nhận tài liệu cho bố mẹ đẻ là ông Nguyễn Hùng M, bà Trần Thị Ý. Theo hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, Tòa án thực hiện tổng đạt văn bản tố tụng cho chị Nguyễn Thị N thông qua người được ủy quyền và chuyển quan hệ pháp luật từ vụ án “Ly hôn” thành “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”.

[1.4] Anh Đặng Đôn B có văn bản đề nghị không tiến hành hòa giải. Căn cứ Điều 205, 207, 397 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã ban hành Thông báo số 12/2023/TB-TA ngày 10/02/2023 về vụ việc không hòa giải được.

[1.5] Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án Hôn nhân gia đình, Quyết định mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình cho các đương sự là thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[1.6] Tòa án yêu cầu đương sự giao nộp tài liệu, chứng cứ và tiến hành xác minh tài liệu chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ là tuân thủ quy định tại Điều 93, 94, 95, 96, 97, 208 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1.1] Hôn nhân giữa anh Đặng Đôn B và chị Nguyễn Thị N được xây dựng trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện, không trái đạo đức, thuần phong mỹ tục, đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền và tổ chức lễ cưới công khai. Căn cứ quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đây là hôn nhân hợp pháp.

[2.1.2] Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn phát sinh sau khi anh B đi lao động tại Hàn Quốc, chị Như cùng con bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Vợ chồng ly thân trong thời gian dài. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không được vun đắp, xây dựng nên mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh Đặng Đôn B và chị Nguyễn Thị N yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2.1.3] Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định “*Vợ, chồng hoặc cả hai có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn*” (khoản 1 Điều 51); “*Trong trường hợp vợ chồng cùng yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận về việc chia tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án công nhận thuận tình ly hôn....*” (Điều 55).

[2.1.4] Xét thấy, hiện nay, tình cảm vợ chồng anh Đặng Đôn B và chị Nguyễn Thị N không còn. Vợ chồng không yêu thương, quan tâm đến nhau, mâu thuẫn trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ. Do đó, chấp nhận yêu cầu của anh B, chị Như như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp là phù hợp. Căn cứ quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình, công nhận thuận tình ly hôn của anh Đặng Đôn B và chị Nguyễn Thị N là đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Về quan hệ con chung: Anh Đặng Đôn B và chị Nguyễn Thị N có 01 con chung là Đặng Đôn An P, sinh ngày 06/4/2016. Hiện nay, cháu Đặng Đôn An P đang được bố mẹ chị Như trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Anh B cũng thống nhất giao con chung cho chị Như trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Giao con chung Đặng Đôn An P, sinh ngày 06/4/2016 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi, trừ trường hợp phát sinh sự kiện pháp lý mới.

[2.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của anh Đặng Đôn B với số tiền 2.000.000đ/ tháng vào ngày mùng 05 hàng tháng.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[3] Xét thấy, các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận toàn bộ nội dung việc Hôn nhân gia đình; sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, đúng pháp luật, không vi phạm điều cấm. Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, công nhận thuận tình ly hôn của các đương sự.

Trong trường hợp phát sinh tranh chấp thì đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[4] Về lệ phí, án phí: Các đương sự phải chịu lệ phí việc Hôn nhân gia đình sơ thẩm, án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 146, 147, 361, 362, 367, 369, 370 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn của anh Đặng Đôn B, sinh ngày: 21/8/1988, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh, hiện đang làm việc tại Nhật Bản và chị Nguyễn Thị N, sinh ngày: 21/6/1988, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh, hiện lao động tại Đài Loan.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận nuôi con chung của anh Đặng Đôn B và chị Nguyễn Thị N: Giao con chung Đặng Đôn An P, sinh ngày 06/4/2016 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trừ trường hợp phát sinh sự kiện pháp lý mới. Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của anh Đặng Đôn B với số tiền 2.000.000đ/ tháng vào ngày mùng 05 hàng tháng.

Anh Đặng Đôn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

4. Về lệ phí, án phí: Áp dụng Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6, Điều 27, 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chấp nhận sự tự nguyện nộp tiền lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng của anh Đặng Đôn B theo biên lai số 0000472 ngày 10 tháng 02 năm 2023 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh. Anh Đặng Đôn B phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng

nuôi con.

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình không có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp không có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao;
- VKS, THA tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- Nơi ĐKKH;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC HNGĐ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

**Nguyễn Hà Ngân**